BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 26/11/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00287	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	28.03.1977	Hưng Yên		
2	B00288	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	03.01.1982	Nam Định		
3	B00289	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	16.10.2000	Hải Dương		
4	B00290	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	02.06.1998	Nam Định		
5	B00291	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	02.11.2000	Ninh Bình		
6	B00292	Hoàng Ngọc	Anh	Nữ	19.10.2001	Hải Dương		
7	B00293	Phạm Tuấn	Anh	Nam	02.06.1999	Ninh Bình		
8	B00294	Hoàng Phượng	Anh	Nữ	12.10.1993	Hà Nội		
9	B00295	Nguyễn Đức	Anh	Nam	24.10.1999	Hà Tây		
10	B00296	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	12.09.2000	Hưng Yên		
11	B00297	Nguyễn Trần Hà	Anh	Nữ	16.12.2000	Hà Nội		
12	B00298	Dương Thị Vân	Anh	Nữ	18.07.1996	Hưng Yên		
13	B00299	Chu Phương	Anh	Nữ	23.01.1997	Hưng Yên		
14	B00300	Đinh Thị Vân	Anh	Nữ	03.12.1989	Ninh Bình		
15	B00301	Ngô Huyền	Anh	Nữ	14.06.1997	Hải Phòng		
16	B00302	Lại Thị Ngọc	Ánh	Nữ	28.02.2000	Ninh Bình		
17	B00303	Đặng Nguyệt	Ánh	Nữ	27.10.1998	Nam Định		
18	B00304	Hoàng Thị	Âu	Nữ	16.11.1998	Nghệ An		
19	B00305	Phạm Trịnh	Bách	Nam	17.06.2000	Hà Nội		
20	B00306	Hà Xuân	Bách	Nam	08.08.1999	Thanh Hóa		
21	B00307	Hoàng Thị	Băng	Nữ	19.10.1993	Hưng Yên		
22	B00308	Bùi Thị	Bình	Nữ	05.10.1981	Sơn La		
23	B00309	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	07.09.1983	Lào Cai		
24	B00310	Võ Thế	Cảnh	Nam	19.09.1982	TP.HCM		
25	B00311	Vũ Minh	Châu	Nữ	09.07.1999	Nam Định		
26	B00312	Nguyễn Linh	Chi	Nữ	10.02.2001	Nam Định		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 26/11/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00313	Trần Huyền	Chi	Nữ	03.11.1998	Hà Nội		
2	B00314	Phạm Thị	Chiền	Nữ	01.05.1985	Quảng Ninh		
3	B00315	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	22.02.1994	Hải Dương		
4	B00316	Phạm Công	Chính	Nam	28.08.2000	Hà Nội		
5	B00317	Nguyễn Trung	Chính	Nam	02.10.1991	Quảng Ngãi		
6	B00318	Nguyễn Hữu	Công	Nam	24.10.1997	Nghệ An		
7	B00319	Trương Văn	Công	Nam	01.08.1995	Thái Bình		
8	B00320	Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	12.01.1991	Bình Dương		
9	B00321	Lưu Thị	Cúc	Nữ	26.07.1985	Bắc Giang		
10	B00322	Nguyễn Hữu	Cường	Nam	29.07.1991	Bắc Ninh		
11	B00323	Nguyễn Tiến	Đại	Nam	18.10.1991	Vĩnh Phúc		
12	B00324	Tống Mạnh	Dần	Nam	24.02.1986	Hà Nam		
13	B00325	Trần Hải	Đăng	Nam	12.02.2000	Hà Nội		
14	B00326	Bùi Tiến	Đạt	Nam	08.09.1988	Hà Nội		
15	B00327	Nguyễn Thị Thu	Dịu	Nữ	13.06.1981	Nam Định		
16	B00328	Nguyễn Thị	Đông	Nữ	01.09.1982	Hà Nội		
17	B00329	Dương Ngọc	Đức	Nam	30.03.1995	Hà Nội		
18	B00330	Trần Hữu	Đức	Nam	27.02.1982	TPHCM		
19	B00331	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	29.07.1993	Hà Nam		
20	B00332	Trịnh Thị	Dung	Nữ	07.08.1985	Hà Nội		
21	B00333	Trần Thị Thuỳ	Dung	Nữ	16.04.1990	Phú Thọ		
22	B00334	Lã Thị Kim	Dung	Nữ	07.02.1985	Hà Nội		
23	B00335	Tạ Đình	Dũng	Nam	28.08.2000	Nghệ An		
24	B00336	Nguyễn Việt	Dũng	Nam	09.09.1979	Quảng Bình		
25	B00337	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	11.09.1999	Hà Tĩnh		
26	B00338	Vũ Duy	Dũng	Nam	07.06.1999	Thái Bình		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 26/11/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00339	Lê Thuỳ	Dương	Nữ	13.04.1993	Lai Châu		
2	B00340	Vũ Thị Thuỳ	Dương	Nữ	22.01.1991	Hà Nội		
3	B00341	Vương Thùy	Dương	Nữ	10.11.1983	Hà Nội		
4	B00342	Trần Văn	Duy	Nam	12.10.1984	Nam Định		
5	B00343	Phạm Thị	Duyên	Nữ	06.02.1991	Thanh Hóa		
6	B00344	Trương Thị	Duyên	Nữ	24.10.1990	Hà Nam		
7	B00345	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	18.10.1989	Hải Dương		
8	B00346	Trương Thị Hương	Giang	Nữ	25.05.1984	Nghệ An		
9	B00347	Phạm Ngọc	Giang	Nam	16.10.1980	Thanh Hóa		
10	B00348	Lê Thị	Giang	Nữ	17.08.1986	Thanh Hóa		
11	B00349	Lương Trường	Giang	Nam	04.09.2000	Lào Cai		
12	B00350	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	Nữ	14.10.1992	Hà Nội		
13	B00351	Hoàng Thị Thanh	Hà	Nữ	13.09.1986	Thanh Hóa		
14	B00352	Cao Văn	Hà	Nam	23.10.1994	Hưng Yên		
15	B00353	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	03.01.2000	Bắc Giang		
16	B00354	Nguyễn Thị Hải	Hà	Nữ	13.05.1982	Vĩnh Phúc		
17	B00355	Nguyễn Đắc Hoàng	Hà	Nam	02.03.1988	Hải Dương		
18	B00356	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	16.02.1999	Phú Thọ		
19	B00357	Phạm Hải	Hà	Nữ	03.01.1993	Hà Nam		
20	B00358	Nguyễn Thị Lệ	Hà	Nữ	09.01.1984	Nghệ An		
21	B00359	Lê Văn	Hạ	Nam	11.08.1979	Thanh Hóa		
22	B00360	Tăng Thị	Hải	Nữ	04.09.1993	Thái Bình		
23	B00361	Đinh Ngọc	Hải	Nam	07.10.1999	Điện Biên		
24	B00362	Đinh Thị	Hằng	Nữ	03.11.2000	Nam Định		
25	B00363	Trương Thị Minh	Hằng	Nữ	01.09.2001	Lai Châu		
26	B00364	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	16.07.1999	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 26/11/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00365	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	18.01.1999	Hà Nội		
2	B00366	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	20.01.1985	Hà Nam		
3	B00367	Nguyễn Xuân	Hành	Nam	30.09.1980	Hải Dương		
4	B00368	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	15.10.1999	Thanh Hóa		
5	B00369	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	24.11.1997	Bắc Ninh		
6	B00370	Vũ Thị	Hiên	Nữ	23.03.1983	Ninh Bình		
7	B00371	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	27.02.1997	Bắc Giang		
8	B00372	Đào Thị Thu	Hiền	Nữ	14.08.2001	Hà Nội		
9	B00373	Trần Thu	Hiền	Nữ	01.12.1999	Hải Phòng		
10	B00374	Ngô Thị Thu	Hiền	Nữ	12.01.1976	Nam Định		
11	B00375	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	16.04.1991	Hà Giang		
12	B00376	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	21.01.1994	Hà Nam		
13	B00377	Hà Thị Thu	Hiền	Nữ	05.07.1980	Thanh Hoá		
14	B00378	Phạm Quang	Hiệp	Nam	14.07.1997	Hà Tĩnh		
15	B00379	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	14.01.1994	Đà Nẵng		
16	B00380	Đỗ Minh	Hiếu	Nam	19.05.1999	Thanh Hóa		
17	B00381	Trần Đức	Hiếu	Nam	13.12.1996	Nam Định		
18	B00382	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	25.01.2003	Lai Châu		
19	B00383	Lê Văn	Hiếu	Nam	12.02.1985	Nam Định		
20	B00384	Tạ Thị	Hoa	Nữ	21.11.1990	Phú Thọ		
21	B00385	Phạm Lê	Hoa	Nữ	12.07.2003	Sơn La		
22	B00386	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	23.11.1992	Hưng Yên		
23	B00387	Đặng Thị	Hoa	Nữ	26.12.1999	Hưng Yên		
24	B00388	Phùng Thị	Hoà	Nữ	21.07.1990	Hà Nội		
25	B00389	Trương Thu	Hoài	Nữ	05.01.2001	Bắc Ninh		
26	B00390	Bùi Huy	Hoàng	Nam	02.07.1981	Hải Dương		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 26/11/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00391	Phan Minh	Hoàng	Nam	21.10.1999	Nam Định		
2	B00392	Hoàng Văn	Hoành	Nam	06.11.1979	Quảng Ninh		
3	B00393	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	03.08.1979	Hà Nội		
4	B00394	Hà Thị	Huệ	Nữ	01.12.1986			
5	B00395	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	Nữ	14.10.1992	Quảng Ninh		
6	B00396	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	26.12.1985	Hà Nội		
7	B00397	Trần Mạnh	Hùng	Nam	04.01.1991	Hưng Yên		
8	B00398	Lương Hữu	Hùng	Nam	10.03.1983	Hà Tĩnh		
9	B00399	Nguyễn Trung	Hưng	Nam	07.05.1981	Thái Bình		
10	B00400	Lê Thu	Hương	Nữ	28.05.2001			
11	B00401	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	15.07.2000	Bắc Ninh		
12	B00402	Đỗ Như	Hương	Nữ	21.05.2001	Hà Nội		
13	B00403	Trần Thanh	Hương	Nữ	21.03.1999	Hà Nội		
14	B00404	Đỗ Thùy	Hương	Nữ	08.03.1992	Sơn La		
15	B00405	Nguyễn Thu	Hường	Nữ	28.11.1981	Thái Bình		
16	B00406	Trần Thị Thúy	Hường	Nữ	08.10.2001	Nghệ An		
17	B00407	Tạ Đình Hoàng	Huy	Nam	11.10.1999	Thái Nguyên		
18	B00408	Nguyễn Quang	Huy	Nam	26.08.2001	Hải Phòng		
19	B00409	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	18.10.1999	Phú Thọ		
20	B00410	Lê Thị	Huyền	Nữ	06.09.1991	Thanh Hóa		
21	B00411	Phạm Ngọc	Huyền	Nữ	04.08.2000	Tuyên Quang		
22	B00412	Hà Thị	Huyền	Nữ	05.04.2002	Thái Bình		
23	B00413	Vũ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	24.05.1998	Ninh Bình		
24	B00414	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	04.01.1984	Hà Nội		
25	B00415	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	11.02.2002	Phú Thọ		
26	B00416	Vũ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	31.07.2000	Hà Giang		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 26/11/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00417	Trần Thanh	Huyền	Nữ	30.11.2000	Quảng Ninh		
2	B00418	Vũ Thị	Huyền	Nữ	20.03.1994	Hà Nam		
3	B00419	Nguyễn Thị Minh	Huyền	Nữ	20.03.1994	Phú Thọ		
4	B00420	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	10.02.1989	Hà Nội		
5	B00421	Nguyễn Văn Quốc	Khánh	Nam	19.09.2000	Thanh Hóa		
6	B00422	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	18.03.1998	Hà Nội		
7	B00423	Chu Mạnh	Khoa	Nam	23.01.1993	Hà Nam		
8	B00424	Hoàng Thị	Lam	Nữ	25.05.2001	Nam Định		
9	B00425	Vũ Hồng	Lãm	Nam	24.01.1989	Thanh Hóa		
10	B00426	Sùng Thị	Lía	Nữ	13.05.1998	Tuyên Quang		
11	B00427	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	09.01.2001	Thái Nguyên		
12	B00428	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	11.11.1991	Thanh Hóa		
13	B00429	Lê Linh	Linh	Nữ	25.12.2001			
14	B00430	An Hà Thùy	Linh	Nữ	18.06.1993	Lạng Sơn		
15	B00431	Đỗ Thùy	Linh	Nữ	18.04.1995	Sơn La		
16	B00432	Lê Khánh	Linh	Nữ	31.08.1981	Hà Nội		
17	B00433	Hoàng Thị Diệu	Linh	Nữ	08.02.2001	Hà Nội		
18	B00434	Đỗ Trà	Linh	Nữ	14.06.1995	Thái Nguyên		
19	B00435	Trần Thị	Loan	Nữ	19.10.1986			
20	B00436	Tạ Thị Thanh	Loan	Nữ	02.01.1985	Vĩnh Phúc		
21	B00437	Triệu Thị	Loan	Nữ	08.05.1987	Hà Nội		
22	B00438	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	11.02.1984	Quảng Ninh		
23	B00439	Nông Thị	Loan	Nữ	28.02.1990	Thái Nguyên		
24	B00440	Đỗ Hoàng	Long	Nam	23.02.1999	Hoà Bình		
25	B00441	Nguyễn Văn	Long	Nam	02.01.1999	Quảng Bình		
26	B00442	Dương Đức	Luân	Nam	14.10.1991	Vĩnh Phúc		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 7 (507-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 26/11/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00443	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	25.07.1997	Hà Nội		
2	B00444	Vũ Thị Hà	Ly	Nữ	08.09.1988	Hà Nam		
3	B00445	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	06.06.1998	Nam Định		
4	B00446	Nguyễn Thị Minh	Lý	Nữ	21.12.1975	Hà Nội		
5	B00447	Bùi Thị Hồng	Mai	Nữ	01.11.1980	Quảng Ninh		
6	B00448	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	19.10.2000			
7	B00449	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	10.10.2000	Hà Nội		
8	B00450	Đặng Thị Hoàng	Mai	Nữ	05.07.1988	Nghệ An		
9	B00451	Phạm Văn Minh	Mạnh	Nam	23.10.1999	Hà Nội		
10	B00452	Nguyễn Viết	Mạnh	Nữ	27.09.1998	Thanh Hóa		
11	B00453	Đỗ Thị Xuân	May	Nữ	11.08.2001	Lai Châu		
12	B00454	Vi Thị	Mơ	Nữ	08.05.2001	Cao Bằng		
13	B00455	Lê Huyền	My	Nữ	04.10.1997	Hà Nội		
14	B00456	Nguyễn Trà	My	Nữ	02.04.2001	Hà Nội		
15	B00457	Nguyễn Khắc	Nam	Nam	01.09.1997	Hà Nội		
16	B00458	Đinh Hữu	Nam	Nam	01.11.1987	Ninh Bình		
17	B00459	Phạm Bá	Nam	Nam	08.11.2000	Hà Nội		
18	B00460	Nguyễn Đức	Nam	Nam	07.04.1990	Hưng Yên		
19	B00461	Bế Hoàng	Nam	Nam	08.07.1997	Lạng Sơn		
20	B00462	Nguyễn Tiến	Nam	Nam	21.03.1978	TP.HCM		
21	B00463	Lê Thị	Năm	Nữ	13.11.1993	Thanh Hóa		
22	B00464	Nguyễn Thanh	Nga	Nữ	31.01.1982	Vĩnh Phú		
23	B00465	Kiều Thị	Nga	Nữ	05.05.1982	Hà Nội		
24	B00466	Dương Thị Thuý	Nga	Nữ	19.10.1998	Ninh Bình		
25	B00467	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	30.05.1989	Bắc Giang		
26	B00468	Lê Kim	Ngân	Nữ	10.11.1981	Thái Bình		
27	B00469	Lê Văn	Nghĩa	Nam	22.05.1972	Thanh Hóa		
28	B00470	Trịnh Minh	Nghĩa	Nam	10.09.1990	Hà Nội		
29	B00471	Nguyễn Văn	Ngõ	Nam	04.10.1975	TPHCM		
30	B00472	Trần Khánh	Ngọc	Nữ	15.09.2001	Phú Thọ		
31	B00648	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	14.10.1985	Hà Nội		
32	B00655	Cù Thị Tuyết	Mai	Nữ	19.08.1998	Phú Thọ		
33	B00677	Vũ Thị	Quý	Nữ	06.01.1984	Hà Nội		
34	B00722	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	02.03.1985	Hưng yên		

Số thí sinh theo danh sách: 34

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 8 (508-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 26/11/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00473	Dương Thị Bích	Ngọc	Nữ	28.11.2001	Bắc Giang		
2	B00474	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	25.09.2001	Hà Nội		
3	B00475	Hoàng Văn	Nguyên	Nam	11.10.1986	Thanh Hóa		
4	B00476	Nguyễn Phụng	Nguyên	Nam	01.06.2001	Quảng Ninh		
5	B00477	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	18.02.1987	Thanh Hóa		
6	B00478	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	24.01.2001	Hà Tây		
7	B00479	Phạm Minh	Nguyệt	Nữ	19.11.2000	Nam Định		
8	B00480	Trịnh Thị	Nhâm	Nữ	01.04.1989	Bắc Giang		
9	B00481	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	25.09.1989	Hải Dương		
10	B00482	Đinh Việt	Nhật	Nam	04.08.2000	Quảng Ninh		
11	B00483	Lê Lan	Nhi	Nữ	28.07.1999	Thanh Hóa		
12	B00484	Đào Thanh	Nhiệm	Nam	06.06.1981	Thái Bình		
13	B00485	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	12.12.2000	Thái Nguyên		
14	B00486	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	01.01.1992	Bắc Giang		
15	B00487	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	22.04.1977	Quảng Bình		
16	B00488	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	20.11.1985	Tiền Giang		
17	B00489	Dương Thị Minh	Phương	Nữ	17.07.1977	Thái Bình		
18	B00490	Phan Thu	Phương	Nữ	06.12.2000	Quang Ninh		
19	B00491	Phạm Hà	Phương	Nữ	08.11.1995	Phú Thọ		
20	B00492	Trần Thị	Phương	Nữ	07.12.1994	Thanh Hóa		

Số thí sinh theo danh sách: 20

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 9 (606-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 26/11/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00493	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	30.09.1987	Gia Lai		
2	B00494	Trần Minh	Quang	Nam	14.12.1980	Hà Nội		
3	B00495	Nguyễn Anh	Quốc	Nam	13.08.1987	Long An		
4	B00496	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	24.11.1999	Bắc Ninh		
5	B00497	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	31.031998	Hà Nội		
6	B00498	Đỗ Văn	Quyết	Nam	04.10.1998	Hưng Yên		
7	B00499	Phạm Thị Như	Quỳnh	Nữ	17.07.2001	Quảng Ninh		
8	B00500	Bùi Xuân	Ruyên	Nam	15.02.1989	Thái Bình		
9	B00501	Bùi Thị	Sen	Nữ	02.03.1992	Quảng Bình		
10	B00502	Nguyễn Hữu	Sơn	Nam	11.09.1999	Hà Nội		
11	B00503	Nguyễn Trường	Sơn	Nam	28.10.1985	Nam Định		
12	B00504	Lê Triệu	Sơn	Nam	01.11.1989	Quảng Trị		
13	B00505	Đặng Ngọc	Tâm	Nam	23.08.1989	Nghệ An		
14	B00506	Trần Thị Huyền	Tâm	Nữ	05.05.1981	Hà Nam		
15	B00507	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	30.09.1982	Sơn La		
16	B00508	Bùi Quốc	Thái	Nam	24.05.1989	Thái Bình		
17	B00509	Đỗ Thị	Thái	Nữ	08.10.1996	Thanh Hoá		
18	B00510	Trần Hữu	Thắng	Nam	22.05.1995	Nghệ An		
19	B00511	Phạm Xuân	Thắng	Nam	21.03.2002	Ninh Bình		
20	B00512	Trần Phương	Thanh	Nữ	30.03.1991	Nam Định		
21	B00513	Lưu Phương	Thanh	Nữ	15.11.1980	Vĩnh Phúc		
22	B00514	Phạm Thị	Thanh	Nữ	03.01.1991	Nam Định		
23	B00515	Phạm Nguyễn	Thành	Nam	08.08.1981	Hà Nội		
24	B00516	Vũ Hải	Thành	Nam	26.02.1988	Hải Dương		
25	B00517	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	27.10.1999	Phú Thọ		
26	B00518	Nguyễn Hương	Thảo	Nữ	29.09.2001	Hải Dương		
27	B00519	Vũ Thị	Thảo	Nữ	02.12.1991	Thanh Hóa		
28	B00520	Triệu Thị	Thảo	Nữ	23.07.1999	Bắc Cạn		
29	B00521	Bùi Thị	Thảo	Nữ	08.11.1996	Thanh Hoá		
30	B00522	Bùi Gia	Thiệp	Nam	20.10.1979	Thái Bình		

Số thí sinh theo danh sách: 30

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 10 (607-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 26/11/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00523	Đào Văn	Thiều	Nam	05.11.1994	Hà Nội		
2	B00524	Nguyễn Trường	Thịnh	Nam	26.04.1999	Hà Nội		
3	B00525	Tô Duy	Thịnh	Nam	29.07.1999	Hà Nội		
4	B00526	Đinh Thị	Thoan	Nữ	17.12.1977	Hà Nam		
5	B00527	Đinh Nguyễn Trúc	Thông	Nam	05.11.1999	Hải Dương		
6	B00528	Dương Thị Lan	Thu	Nữ	05.05.1985	Thái Bình		
7	B00529	Nguyễn Ánh	Thu	Nữ	26.05.2001	Hải Phòng		
8	B00530	Trần Minh	Thu	Nữ	27.11.2000	Hà Nội		
9	B00531	Đào Quỳnh	Thương	Nữ	08.07.2001	Hà Nội		
10	B00532	Lê Thị Biên	Thuỳ	Nữ	19.07.1986	Thanh Hoá		
11	B00533	Đặng Thị	Thúy	Nữ	01.05.1999	Hải Phòng		
12	B00534	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Nữ	23.06.1999	Ninh Bình		
13	B00535	Phạm Thị Thanh	Thùy	Nữ	26.03.1992	Thái Nguyên		
14	B00536	Đinh Thị	Thủy	Nữ	10.05.2001	Hà Tây		
15	B00537	Lê Bá	Toàn	Nam	20.12.1998	Thanh Hóa		
16	B00538	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10.09.1987	Bắc Ninh		
17	B00539	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	14.02.1987	Sơn La		
18	B00540	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	06.05.2001	Hà Nội		
19	B00541	Nguyễn Ngọc Thanh	Trang	Nữ	23.10.2001	Hà Nội		
20	B00542	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	15.04.2001	Hà Nội		
21	B00543	Phạm Thị	Trang	Nữ	06.06.1999	Nam Định		
22	B00544	Trương Quỳnh	Trang	Nữ	31.03.2001	Yên Bái		
23	B00545	Vũ Thùy	Trang	Nữ	19.03.2001	Nam Định		
24	B00546	Vũ Thị	Trang	Nữ	01.07.1993	Hà Nam		
25	B00547	Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	10.08.1990	Yên Bái		
26	B00548	Nguyễn Thành	Trung	Nam	10.09.2000	Hà Nội		
27	B00549	Huỳnh Minh	Trung	Nam	25.03.1983	Trà Vinh		
28	B00550	Nguyễn Thị	Tú	Nữ	13.07.1984	Nghệ An		
29	B00551	Phan Cẩm	Tú	Nữ	18.10.1998	Hà Tây		
30	B00552	Nguyễn Anh	Tú	Nam	29.08.1995	Phú Thọ		

Số thí sinh theo danh sách: 30

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 11 (609-nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 26/11/2022

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00553	Đàm Văn	Tuân	Nam	06.08.1999	Cao Bằng		
2	B00554	Trịnh Minh	Tuấn	Nam	30.11.1981	Hòa Bình		
3	B00555	Hoàng Anh	Tuấn	Nam	28.08.1985	Nam Định		
4	B00556	Tạ Minh	Tuấn	Nam	01.06.1999	Hà Tấy		
5	B00557	Phạm Văn	Tuấn	Nam	22.02.1989	Ninh Bình		
6	B00558	Bùi Minh	Tuấn	Nam	17.09.1985	Quảng Ngãi		
7	B00559	Hoàng Trọng	Tuệ	Nam	30.10.1981	Hải Dương		
8	B00560	Nguyễn Hữu	Tùng	Nam	05.11.1999	Hà Nội		
9	B00562	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	26.02.1988	Lạng Sơn		
10	B00563	Nguyễn Ngọc	Vĩnh	Nam	20.06.1986	Phú Thọ		
11	B00564	Đỗ Xuân	Vũ	Nam	21.12.1989	Thanh Hóa		
12	B00565	Ngô Quang	Vũ	Nam	12.08.1987	Bình Định		
13	B00566	Bùi Tuấn	Vương	Nam	19.01.1979	Ninh Bình		
14	B00567	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	07.05.1983	Thanh Hóa		
15	B00568	Đỗ Thị	Xứng	Nữ	14.04.1987	Hải Phòng		
16	B00569	Hồ Thị	Yến	Nữ	27.12.1983	Thanh Hoá		
17	B00570	Bùi Thị	Yến	Nữ	15.10.2000	Nam Định		
18	B00571	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	17.11.2000	Hà Nội		
19	B00572	Trần Thị	Yến	Nữ	07.07.1986	Hưng Yên		
20	B00188	Phùng Thị	Niên	Nữ	20.11.1987	Lạng Sơn		

Số thí sinh theo danh sách: 20

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……..

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)